TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG
Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/11/2019
V/v: Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quyên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lương Đình Liên** và bà **Lã Thị Nhung**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mừng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông **Phạm Văn Ngoan** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Hoàng Văn C** - sinh năm 1991.
HKTT: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Chị **Vũ Thị Hằng N** - sinh năm 1993.
HKTT và nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng:
- Bà **Vũ Thị H** (mẹ đẻ chị N).
HKTT: Thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương.
-Bà **Đỗ Thị A** (mẹ đẻ anh C), sinh năm 1969.
HKTT: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Văn C trình bày:

Anh và chị Vũ Thị Hằng N kết hôn năm 2012, có hai con chung là Hoàng Trung H và Hoàng Trung N. Do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị N làm đơn xin ly hôn, ban đầu anh và chị N thống nhất để anh nuôi hai con chung, sau đó chị N thay đổi quan điểm xin nuôi cả hai con chung. Bản thân anh không muốn làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con nên anh chấp nhận để chị N nuôi hai con chung, do vậy tháng 4 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2019. Theo đó, Tòa án công nhận sự thỏa thuận

của anh chị về con chung là giao 2 con chung là Hoàng Trung H và Hoàng Trung N cho chị N nuôi dưỡng. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung. Anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Sau khi Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn; chị N mang hai con về ở cùng bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương. Anh ở một mình, chưa kết hôn. Tâm lý của anh không ổn định do anh rất nhớ và thương các con. Thông thường, ngày nghỉ anh sang thăm con và khi gia đình có công việc anh muốn đón con về chơi nhưng chị N và người thân trong gia đình có hành vi cản trở anh. Bố chị N có lời lẽ chửi, đuổi, không cho anh thăm con. Do gia đình chị N ngăn cản nên sau này mỗi khi anh muốn thăm con, anh chỉ đứng ở ngoài đường gọi các con ra để gặp mà không dám vào trong nhà. Khi thấy việc thăm con của anh và gia đình anh rất khó khăn nên mẹ đẻ anh có sang nói chuyện với gia đình chị N nhưng tình hình vẫn không thay đổi. Bên cạnh đó, qua theo dõi anh thấy cách giáo dục các con của chị N và gia đình chị không chuẩn mực, không nhân văn thể hiện ở việc cấm các con không được gặp bố, không được nói chuyện với bố và ông bà nội; dạy các con gọi bố là thằng… có một lần duy nhất anh đón các con về chơi nhưng các con anh rất sợ hãi, không dám vui, chơi; nói chuyện với những người xung quanh ….phải mất một thời gian các con mới nói sợ ông ngoại và mẹ….chính vì cách cư xử như vậy của chị N và gia đình chị càng làm cho tâm lý anh căng thẳng, lo lắng cho tương lai của các con anh.

Anh yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn vì lý do: Chị N và gia đình chị cản trở anh trong việc thăm nom, chăm sóc con chung. Hơn nữa anh rất mong muốn được sống gần gũi con để phần nào giúp anh cân bằng tâm lý sau khi vợ chồng ly hôn.

Về điều kiện nuôi con: Hiện anh đang làm công nhân, thu nhập từ 7 triệu đồng - 10 triệu đồng/tháng. Anh ở trên nhà, đất của bố mẹ cho riêng anh, tiện nghi sinh hoạt đầy đủ. Bố mẹ anh còn trẻ, khỏe, sẵn sàng hỗ trợ anh trong việc trông nom, chăm sóc cháu. Nếu được nuôi con, anh cam kết sẽ đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con về mọi mặt; anh không cản trở việc chị N và gia đình chị thăm nom con. Trong khi đó chị N làm công nhân, mẹ con chị không có chỗ ở riêng mà vẫn ở chung nhà, đất với bố mẹ đẻ và hai em trai.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn chị Vũ Thị Hằng N trình bày: Chị và anh C có hai con chung như anh C trình bày là đúng, anh chị đã ly hôn theo Quyết định số 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn, ban đầu chị cũng có ý kiến là mỗi người nuôi một con chung, nhưng sau đó anh chị thống nhất thỏa thuận để chị nuôi cả hai con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn chị và hai con về ở cùng nhà với bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương. Cháu H học tại Trường Tiểu học xã N, cháu N học tại Trường mầm non xã N. Trong thời gian ở cùng chị, các con đều khỏe mạnh, phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần, việc học tập được đảm bảo. Chị và gia đình vẫn

tạo điều kiện để anh C thăm nom con chung, nhưng anh C sang thăm con lại không vào nhà mà đứng ở ngoài đường vẫy các con ra để gặp. Có lần chị đã trực tiếp cho các về gia đình anh C chơi. Chị thừa nhận thời gian các con chuẩn bị vào năm học mới phải học thêm nên chị không đồng ý để gia đình anh C đón con về trong dịp hè.

Anh C làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, chị không đồng ý bởi: anh C không đủ điều kiện để nuôi dưỡng con bằng chị. Hiện các con đang ở ổn định với chị, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con trưởng thành; chị đang làm công nhân và bán hàng online trên mạng xã hội, thu nhập trung bình khoảng 10 triệu đồng/tháng. Mẹ con chị ở cùng nhà và nhận được sự hỗ trợ chăm sóc từ bố mẹ chị. Nếu chị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Chị đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của anh C.

Người làm chứng bà Đỗ Thị A trình bày: Sau khi anh C, chị N ly hôn, chị N cho hai con chung về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống, anh C và gia đình rất thương, nhớ các cháu; nhiều lần anh C sang thăm con thì chị N và gia đình ngăn cản không cho gặp, anh C tỏ ra rất bức xúc; mỗi khi gia đình bà có công việc muốn đón các cháu về chơi nhưng chị N và gia đình chị không đồng ý. Cũng xuất phát từ việc chị N và gia đình chị gây khó dễ trong việc thăm nom con chung của anh C, làm cho tâmlýanh C căng thẳng nên bà đã chủ động đến gặp bố mẹ đẻ chị N và chị N nhưng tình hình cũng không được cải thiện. Nay, anh C xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết giao cho anh C nuôi dưỡng một con chung. Ông bà sẽ hỗ trợ anh C trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

Bà Vũ Thị H trình bày: Sau khi ly hôn, chị N cho hai con về ở cùng gia đình bà và được nuôi dưỡng, chăm sóc rất tốt. Ngoài chị N trực tiếp nuôi con thì vợ chồng bà cũng hỗ trợ chị N trong việc chăm sóc các cháu. Chị N có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con. Gia đình bà cũng tạo điều kiện để anh C thăm nom con. Bà xác định có lần anh C sang thăm con nhưng không xin phép nên chồng bà có bực tức chửi, đuổi không cho anh C vào nhà. Sau đó vài lần anh C đến đứng ở ngoài đường gọi các con nhưng các cháu không gặp và cũng không theo anh C về nên anh C cho rằng gia đình bà ngăn cản việc anh C thăm gặp con là không đúng. Bà đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị N nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ tranh chấp: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn C về tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh C phải chịu án phí sơ thẩm dân sự là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Vũ Thị Hằng N là bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, chị vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung:* Anh Hoàng Văn C và chị Vũ Thị Hằng N được Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương giải quyết công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự theo Quyết định số 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2019. Sự thỏa thuận của các bên đó là: Giao 2 con chung Hoàng Trung H, sinh ngày 12/7/2013 và Hoàng Trung N, sinh ngày 23/3/2015 cho chị N nuôi dưỡng, chị N tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Sau khi ly hôn, chị N mang hai con về nhà đẻ tại thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị. Các con chung của anh, chị được nuôi dưỡng đảm bảo phát triển về mọi mặt, phù hợp kết quả xác minh tại Trường tiểu học và Trường mầm non xã N là nơi các con anh, chị đang theo học.

Theo anh C, trong quá trình chị N nuôi con chung, anh và gia đình đến thăm nom hoặc khi gia đình anh có việc muốn đón con về chơi nhưng chị N và gia đình chị không đồng ý. Bố chị N có hành động chửi, đuổi khi anh đến thăm con. Về vấn đề này, chị N không thừa nhận toàn bộ mà chị cho rằng, chị và gia đình không cản trở anh C thăm nom con chung. Tuy nhiên lời khai của chị N và mẹ đẻ chị là bà H thừa nhận: Một lần anh C sang thăm con, do không xin phép nên ông B (bố đẻ chị N) có chửi, đuổi anh C. Bản thân chị N xác định vào dịp hè, gia đình anh C muốn đón các cháu về chơi nhưng chị không đồng ý với lý do các cháu còn học…Như vậy có căn cứ để xác định việc chị N và gia đình chị có hành vi cản trở, không tạo điều kiện để anh C thực hiện quyền của mình trong việc thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, vi phạm quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh C và chị N đều làm công nhân phổ thông, thu nhập của mỗi người khoảng từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng. Anh C ở nhà riêng trên cùng thửa đất với bố mẹ anh, chị N đang ở chung nhà, đất cùng bố mẹ và hai em trai. Hai bên ông bà nội, ngoại của các cháu đều còn khỏe, có khả năng hỗ trợ anh, chị trong việc chăm sóc các con. Kết quả xác minh với chính quyền thôn Đ, xã N

nơi chị N sinh sống thì việc mẹ con chị N về ở cùng gia đình bố mẹ đẻ không thông báo với chính quyền thôn nên địa phương không nắm được khả năng, điều kiện nuôi con của chị N. Kinh tế gia đình bố mẹ chị N thuộc diện trung bình. Xác minh với chính quyền thôn N, xã B nơi anh C sinh sống thì anh C chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước cũng như các quy định ở địa phương. Điều kiện kinh tế gia đình bố mẹ anh C thuộc diện khá; có hai nhà trên cùng thửa đất, hiện anh C đang ở một mình một nhà, bố mẹ anh C ở một nhà.

Như vậy, điều kiện nuôi con của hai bên tương đương nhau, nguyên vọng được nuôi dưỡng con chung của hai bên là hoàn toàn chính đáng.Tuy nhiên trong vụ án cụ thể này, cũng cần xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên: Xuất phát từ việc thăm, gặp con sau khi ly hôn của anh C không diễn ra đúng như nội dung hai bên thỏa thuận khi ly hôn, đã làm tâm lý anh căng thẳng, bức xúc…thậm chí hai bên đã xảy ra xô xát…là thực. Anh, chị có hai con chung, các cháu đang độ tuổi phát triển và hoàn thiện nhân cách, về tương lai lâu dài, nếu để chị N nuôi - dạy cả hai con trai, mặc dù chị hoàn toàn tự nguyện nhưng cuộc sống của mẹ con chị sẽ gặp khó khăn, vất vả hơn.

Vì vậy xem xét các căn cứ để thay đổi việc nuôi con chung của nguyên đơn, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, mặt khác cũng cần tạo điều kiện để phía anh C cân bằng tâm lý sau khi vợ chồng ly hôn nên giao cho anh C, chị N mỗi người nuôi một con chung là phù hợp quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về án phí:* Tại phiên tòa, anh Hoàng Văn C tự nguyện chịu án phí HNGĐ sơ thẩm nên cần chấp nhận sự tự nguyện của anh C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về nội dung: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn C về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Giao cho anh Hoàng Văn C trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Hoàng Trung N, sinh ngày 23/3/2015. Giao cho chị Vũ Thị Hằng N trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Hoàng Trung H, sinh ngày 12/7/2013 (Hiện hai con đang ở cùng chị N). Anh C, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau nhưng vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Hoàng Văn C chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí sốAA/2017/0005411 ngày 27/8/2019. Anh C đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Hoàng Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Vũ Thị Hằng N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành bản án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- UBND xã Nhân Quyền;
- UBND xã Bình Xuyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quyên